

Bản án số: **61/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 04/12/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dư

Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **61/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày **17/11/2023** giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Phạm Thị Q, sinh năm 1999; nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- **Bị đơn:** anh Trần Trường G, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2013, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị (Phạm Thị Q) và anh Trần Trường G được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 21/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống và làm ăn cùng gia đình nhà anh G. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặt khác anh G thường xuyên uống rượu rồi về nhà đánh đập chị, gây thương tích cho chị, chị đã nói chuyện với mẹ chồng về việc anh G đánh đập

để bà khuyên bảo anh G, nhưng anh G vẫn không thay đổi. Đến tháng 9 năm 2023 anh G lại tiếp tục đánh chị gây thương tích (*chị Q có giao nộp một số ảnh chụp thương tích do anh G gây ra*), để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của bản thân chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 8, xã L, huyện K để ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, anh G thường xuyên đến nhà chị chửi bới, đe dọa cả gia đình chị, chị đã phải báo Công an xã can thiệp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Trường G.

- Về quan hệ con chung: chị Q và anh G có 01 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016. Hiện nay cháu đang ở với anh G, khi ly hôn chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Trường hợp cháu K muốn được ở với ai thì chị hoàn toàn tôn trọng ý kiến cháu, nếu cháu K ở với anh G, chị Q sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh G mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung và công nợ chung: chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Trần Trường G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh G xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh có góp ý thì chị Q cãi lại nên một vài lần vợ chồng xảy ra xô sát. Anh G xác nhận trong lúc nóng giận anh có đánh gây thương tích cho chị Q. Anh G xác nhận gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng, nhưng sau đó vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị Q lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Gần đây nhất sau khi vợ chồng xảy ra xô sát, chị Q lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 8, xã L để ở và vợ chồng sống ly thân nhau, anh có xuống nhà động viên chị Q quay về đoàn tụ nhưng chị Q nhất quyết không về. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, anh mong chị Q suy nghĩ lại để về đoàn tụ, nếu chị Q vẫn quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, anh không ý kiến gì.

- Về con chung: anh G xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016. Hiện nay cháu đang ở với anh, khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh, vì từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu vẫn ở cùng anh. Nếu chị Q có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý, vì đó là trách nhiệm của chị Q đối với con.

- Về tài sản và nợ chung: anh G xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2023: cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016 khai, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố (anh Trần Trường G).

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã L, huyện K cung cấp: anh G, chị Q đều là người địa phương có kết hôn với nhau vào tháng 4 năm 2017 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn vợ chồng anh G, chị Q sống và làm ăn tại xóm 10, xã L cùng gia đình nhà anh G. Qua năm bắt tại cơ sở thì vợ chồng anh G có con chung với nhau trước khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, anh G thường xuyên đánh đập chị Q, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 8, xã L để ở. Về con chung: vợ chồng chị Q, anh G có 01 con chung là cháu Trần Gia K, sinh tháng 9 năm 2016, hiện cháu đang ở cùng anh G. Về công việc thì cả anh G và chị Q đều là lao động tự do, nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Phạm Thị Q ly hôn anh Trần Trường G. Giao con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; chị Q có quyền thăm nom con chung. Về án phí, chị Q phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Trường G, sinh năm 1992; nơi cư trú: xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng

mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Q và anh Trần Trường G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2017 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa chị Q và anh G chung sống với nhau một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và nhiều lần xảy ra xô sát. Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải anh G xác nhận anh có đánh chị Q gây thương tích cho chị Q và được gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, hiện vợ chồng đang sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này anh G đã có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để bảo vệ tính mạng, nhân phẩm, danh dự của người phụ nữ. Cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Trần Trường G là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Q, anh G có 01 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016. Chị Q, anh G đều xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở cùng anh G. Khi ly hôn chị Q cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, nếu không được thì nguyện vọng của cháu K muốn được ở với ai chị Q tôn trọng ý kiến cháu, nếu cháu ở với anh G thì sẽ chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh G mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn. Anh G cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng, nếu chị Q có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý, vì đó là trách nhiệm của chị Q đối với con. Ý kiến cháu K, trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với anh G.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh G là phù hợp, vì thực tế cháu K ở với anh từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cần giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời phù hợp với ý kiến chị Q và nguyện vọng của cháu K. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: giao con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, Hội

đồng xét xử xét thấy anh G không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, chị Q lại có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung khi cha mẹ ly hôn cần chấp nhận đề nghị của chị Q, buộc chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp với ý chí của chị Q và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Q, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nên chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Trần Trường G.
2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: giao con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 12/9/2016 cho anh Trần Trường G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G mỗi tháng 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: chị Phạm Thị Q phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí

ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005032 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chi Q còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng